| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỘC CHÂU**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 176/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2024
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đèo Văn Quỳnh.

*Các hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lò Thị Minh.

2. Bà Hoàng Thị Hội.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Hà Văn Yến –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Bà Lý Hoàng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 174/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 07 năm 2024, về việc *"Xin ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Hạng A S, sinh năm 1978. Địa chỉ: Bản TS, xã CH, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Chị Giàng Thị M, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản TS, xã CH, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 28/07/2024 và tại phiên tòa anh Hạng A S trình bày:

Anh Hạng A S và chị Giàng Thị M có tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1995, anh, chị được gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn. Sau đó chị M về làm dâu tại nhà bố mẹ anh S. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì vợ chồng xảy mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm vợ

chồng không hợp nhau, anh chị thường xuyên cãi cọ nhau, gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng không thành. Đến cuối năm 2022 thì chị M bỏ về bên ngoại sinh sống, anh chị sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Giàng Thị M, vì anh, chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án tuyên bố anh, chị không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau anh, chị có 03 cháu, cháu Hạng Thị T, sinh ngày 10/6/1997, cháu Hạng Thị D, sinh ngày 20/10/2001 và cháu Hạng A C, sinh ngày 20/8/2002. Hiện nay 03 cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và lập gia đình riêng, phát triển bình thường, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không kê khai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh Súa không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/08/2024 và tại phiên hòa giải bị đơn chị Giàng Thị M trình bày:

Chị Giàng Thị M và anh Hạng A S có tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/1995 và tổ chức cưới theo phong tục tập quán, do không hiểu biết anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại Bản TS, xã CH, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Đến năm 2022 thì vợ chồng xảy mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, anh chị thường xuyên cãi cọ nhau, mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Đến cuối năm 2022 thì chị bỏ về bên ngoại sinh sống và anh chị sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Nay anh S yêu cầu được ly hôn với chị thì chị cũng nhất trí, vì anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau anh chị có 03 con chung, cháu Hạng Thị T, sinh ngày 10/6/1997, cháu Hạng Thị D, sinh ngày 20/10/2001 và cháu Hạng A C, sinh ngày 20/8/2002. Hiện nay 03 cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và lập gia đình riêng, phát triển bình thường, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không kê khai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có. Ngoài ra chị M không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối gaiir quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Hạng A S và chị Giàng Thị M là vợ chồng.

- Về con chung: Đối với 03 cháu là cháu Hạng Thị T, sinh ngày 10/6/1997, cháu Hạng Thị D, sinh ngày 20/10/2001 và cháu Hạng A C, sinh ngày 20/8/2002. Hiện nay 03 cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi và lập gia đình riêng, phát triển bình thường, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Anh Hạng A S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hạng A S và chị Giàng Thị M đều trú tại Bản TS, xã CH, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Giàng Thị M có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hạng A S và chị Giàng Thị M tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Anh Hạng A S và chị Giàng Thị M có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là trái với quy định của luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh Hạng A S và chị Giàng Thị M không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Do đó cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và

Điều 53 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014 để giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh Hạng A S và chị Giàng Thị M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng anh Hạng A S và chị Giàng Thị M có 03 con chung cháu Hạng Thị T, sinh ngày 10/6/1997, cháu Hạng Thị D, sinh ngày 20/10/2001 và cháu Hạng A C, sinh ngày 20/8/2002. Hiện nay 03 cháu đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh Hạng A S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hạng A S và chị Giàng Thị M.

2. Về con chung: Đối với cháu Hạng Thị T, sinh ngày 10/6/1997, cháu Hạng Thị D, sinh ngày 20/10/2001 và cháu Hạng A C, sinh ngày 20/8/2002. Hiện nay 03 cháu đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng, không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Hạng A S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: 0002168 ngày 29/07/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hạng A S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/08/2024). Chị Giàng Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Mộc Châu;
- TAND tỉnh Sơn La;
- THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Chiềng Hắc;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đèo Văn Quỳnh**